TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06/12/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạch;

2. Ông Mai Tấn Lộc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 212/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh T (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh T (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 07/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Ông và bà T chung sống từ năm 1986, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy. Chung sống hạnh phúc thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bà T không chăm sóc cho ông lúc bệnh tật, hay nói xấu ông với người khác. Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt, bà T cất nhà ở riêng từ năm 2019 và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu tòa giải quyết:

1. Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 20/12/2007 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Ông Th không cấp dưỡng nuôi con vì vợ chồng đã có thỏa thuận giao một phần tài sản chung cho bà T để nuôi con. Các con chung gồm: Nguyễn Văn M, sinh năm 1987, Nguyễn Văn K, sinh năm 1990, Nguyễn Văn N sinh năm 1992 và Nguyễn Văn P, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 14/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân, con chung như ông Th trình bày là đúng nhưng mâu thuẫn là do từ năm 2016 đến nay ông Th không chung thủy, có nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, bà khuyên ngăn cho cơ hội nhưng ông Th không sửa chữa. Bà không có nói xấu ông Th. Tuy không trực tiếp chăm lo cho ông Th lúc bệnh tật nhưng bà có bảo các con đến chăm sóc ông. Từ khoảng năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông Th đuổi bà ra cất nhà ở riêng và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2021 đến nay.

Nay bà không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, thương con. Trường hợp tòa cho ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kiều N, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét ông Th, bà T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông Th đơn phương xin ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà T giữ nguyên ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tại phiên tòa hai bên thống nhất mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người ngày càng gay gắt, bà T cất nhà ra ở riêng và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2021. Trong thời gian ly thân vợ chồng không dành sự quan tâm chăm sóc cho nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông Th cương quyết xin ly hôn, bà T không đồng ý nhưng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th.

[3] Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Bà T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đượng sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Th ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 20/12/2007 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000224 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông Th đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc